

TRƯỜNG THPT VIỆT ĐỨC

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC GIỮA KÌ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN: LỊCH SỬ

KHỐI 10

Bài 6 : Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì cận đại

1. Những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất

Lĩnh vực	Thành tựu
Công nghiệp	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1733, John Kay đã phát minh ra “thoi bay”.- Năm 1764, James Hargreaves chế ra chiếc máy kéo sợi Gien-ni.- Năm 1779, Samuel Crompton cải tiến máy kéo sợi để kéo được sợi nhỏ.- Năm 1785, Edmond Cartwright cho ra đời máy dệt vải chạy bằng sức nước.- Năm 1782, James Watt chế tạo thành công máy hơi nước
Luyện kim	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1735, phát minh về phương pháp nấu than cốc.- Năm 1784, Henry Cort tìm ra cách luyện sắt “puddling”.- Năm 1885, Henry Bessemer phát minh ra lò cao có khả năng luyện gang lỏng.
Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none">- Năm 1814, chiếc đầu máy xe lửa đầu tiên chạy bằng hơi nước ra đời.- Đến thế kỉ XIX, hệ thống đường sắt ở Tây Âu và Bắc Mỹ phát triển mạnh.- Năm 1807, Robert Fulton chế ra tàu thủy chạy bằng hơi nước.

2. Những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Lĩnh vực	Thành tựu
Các phát minh về điện	Những phát minh về điện của Michael Faraday (Anh), Thomas Edison, Nikola Tesla (Mỹ) là cơ sở cho sự ra đời và phát triển của động cơ điện, điện thoại, vô tuyến điện và thúc đẩy việc ứng dụng nguồn năng lượng điện vào cuộc sống.
Luyện kim	Với việc phát minh ra phương pháp sử dụng lò cao trong luyện kim của Henry Bessemer (Anh) đã dẫn đến sự ra đời của các nguyên liệu mới.
Giao thông vận tải	Năm 1860, Étienne Lenoir (Pháp) đã phát minh và thương mại hóa thành động cơ đốt trong hai kì chạy bằng khí đốt, tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay, đồng thời thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ.

3. Ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai

a. Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế

- Làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, tạo ra nhiều nguyên liệu mới, thúc đẩy công nghiệp phát triển nâng cao năng suất lao động
- Thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải, thông tin liên lạc, ... góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện cuộc sống con người.

b. Ý nghĩa về xã hội, văn hóa

- Đưa đến sự hình thành và phát triển của nhiều trung tâm công nghiệp mới và cũng là những thành thị đông dân (London, Paris, Berlin,)
- Hình thành hai giai cấp đối kháng là tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và vô sản làm thuê. Mâu thuẫn giữa hai giai cấp trên ngày càng gay gắt, dẫn tới các cuộc đấu tranh của vô sản chống lại tư sản.

Bài 7: Các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại

1. Những thành tựu cơ bản của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba

Lĩnh vực	Thành tựu
Máy tính	Máy tính điện tử ra đời giúp tự động hóa trong quá trình sản xuất, giải phóng sức lao động của con người.
Sự ra đời của Internet	- Được phát minh vào năm 1957 bởi văn phòng xử lý CNTT ARPA (Mỹ). - Năm 1969, Internet được khai thác sử dụng, từ năm 1991 Web và Internet phát triển một cách nhanh chóng.
Sự bùng nổ của CNTT	Tự động hóa và công nghệ robot ra đời đã giúp giải phóng sức lao động của con người, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm công nghiệp.
Thiết bị điện tử	Chứa linh kiện bán dẫn, các mạch điện tử giúp tự động hóa trong quá trình công nghệ và kiểm tra sản phẩm, thiết bị thu thanh, thiết bị y tế, Đồng thời giúp tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện làm việc.
Công nghệ sinh học	- Phát triển mạnh mẽ trong công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, công nghệ enzym, - Cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp đã tạo ra nhiều giống mới có khả năng chống sâu bệnh.

2. Những thành tựu cơ bản của cách mạng công nghiệp lần thứ tư

<Vẫn đang tiếp diễn>

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn liền với những đột phá công nghệ trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ in 3D, tự động hóa, vật liệu mới, công nghệ gen, công nghệ nano, ...

→ Triển vọng: Sẽ tạo ra những thay đổi lớn lao trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội trong thế kỉ XVI.

3. Ý nghĩa của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư

a. Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế

- Giúp cho việc mở rộng và đa dạng hóa các hình thức sản xuất và quản lí.
- Năng suất lao động tăng lên; tiết kiệm nguyên, vật liệu.
- Giúp con người tiêu dùng có thể lựa chọn mua, sắm hàng hóa trực tuyến
- Thúc đẩy quá trình khu vực hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.

b. Ý nghĩa về văn hóa, xã hội

- Về xã hội:

- +) Tự động hóa giúp giải phóng sức lao động của con người.
- +) Dẫn đến sự phân hóa trong lực lượng lao động
- +) Con người có thể làm nhiều loại công việc bằng hình thức từ xa.
- +) Cuộc cách mạng lần thứ ba và thứ tư đã tác động tiêu cực đến một số vấn đề như sự phân hóa giữa giàu/ngèo, xói mòn bản sắc văn hóa,

- Về văn hóa: Giúp con người có thể trao đổi, giao tiếp thông qua các ứng dụng trên Internet một cách nhanh chóng. Quá trình giao lưu văn hóa giữa các quốc gia, khu vực cũng diễn ra dễ dàng và thuận lợi,

Bài 8: Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại

1. Hành trình phát triển của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại

STT	Thời kì	Nội dung chính
1	Những thế kỉ trước và đầu công nguyên đến thế kỉ VII	Văn minh Đông Nam Á hình thành và bước đầu phát triển. Gắn với sự hình thành và phát triển của các quốc gia đầu tiên.
2	Thế kỉ VII – cuối thế kỉ XV	Văn minh Đông Nam Á phát triển rực rỡ. Gắn sự hình thành và phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến.
3	Thế kỉ XVI – XIX	Văn minh Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng. Gắn với quá trình suy yếu của các vương triều phong kiến và sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

2. Một số thành tựu tiêu biểu

a. Tín ngưỡng và tôn giáo:

- Tín ngưỡng: Ở Đông Nam Á, tín ngưỡng được chia thành 3 nhóm:

- +) Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên: cư dân Đông Nam Á thờ các con vật gần gũi với cuộc sống của xã hội nông nghiệp (trâu, cóc, chim, rắn, cá sấu,...), thờ thần Lúa, Hòn Lúa, Mẹ Lúa,...
- +) Tín ngưỡng phồn thực – tục cầu sinh sôi nảy nở tồn tại phổ biến ở khu vực Đông Nam Á dưới hình thức thờ sinh thực khí Linga và Yoni, quan niệm về âm dương,...

+) Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên có vị trí linh thiêng của cư dân Đông Nam Á.

- *Tôn giáo*: Trải qua quá trình lịch sử, các tôn giáo lớn như Phật giáo, Hồi giáo, Công giáo, ... lần lượt được du nhập vào Đông Nam Á và có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của cư dân các quốc gia trong khu vực này.

b. Chữ viết và văn học

- *Chữ viết*: Các nước Đông Nam Á đã tiếp nhận chữ viết bên ngoài và sáng tạo ra chữ viết của riêng mình. (Dựa vào chữ Phạn của Ấn Độ và chữ Hán của Trung Quốc).

- *Văn học*:

+) Văn học dân gian:

-) Cơ sở: Nền văn minh lúa nước

-) Xuất hiện sớm (Trước khi có chữ viết)

-) Phản ánh tình cảm của con người với thiên nhiên và gắn bó chặt chẽ với các phong tục tập quán.

+) Văn học viết:

-) Cơ sở: Trên nền tảng chữ viết riêng

-) Thời gian: Sau khi có chữ viết

-) Phản ánh quá trình phát triển của đất nước, con người và tình cảm, cuộc sống, mong ước của người dân và cộng đồng.

c. Kiến trúc và điêu khắc

- *Kiến trúc*: Cư dân Đông Nam Á đã tạo dựng hàng loạt công trình kiến trúc (Đền, chùa tháp) mang phong cách Phật giáo và Hin-đu giáo.

- *Điêu khắc*:

+) Cư dân bản địa ở Đông Nam Á đã sáng tạo ra nghệ thuật tạo hình độc đáo và đa dạng.

+) Cư dân Đông Nam Á tiếp thu có chọn lọc những thành tựu bên ngoài, để sáng tạo nên một nền nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc đặc sắc, đậm tính chất riêng của mình.

Bài 9: Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt nam

1. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc

a. Cơ sở hình thành

- *Điều kiện tự nhiên*:

+) Vị trí: Lưu vực các con sông lớn.

+) Địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu: Đất đai màu mỡ, hệ thống sông ngòi dày đặc, khí hậu nhiệt đới gió mùa.

+) Tài nguyên, khoáng sản: Phong phú, đa dạng

- *Cơ sở xã hội*: Gắn liền với nền văn hóa Đông Sơn. Xuất phát từ yêu cầu phát triển nông nghiệp và bảo vệ cuộc sống chung của cộng đồng.

b. Một số thành tựu tiêu biểu

- *Sự ra đời của nhà nước*: Mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

- Hoạt động kinh tế:

+) Địa điểm: Ở các gò đồi, chân núi, các dải đất cao ven sông.

+) Hình thức canh tác: Khai phá đất đai, mở rộng diện tích trồng trọt bằng cách làm rẫy trồn một số cây lương thực, thực phẩm và làm ruộng trồn lúa nước.

+) Công cụ: Sử dụng công cụ bằng đồng thau, sắt

+) Ngành nghề: Trồng lúa nước; chăn nuôi, đánh bắt thủy sản; thủ công nghiệp

- *Đời sống vật chất*:

+) Ẩm thực: Thành phần chính trong bữa ăn hằng ngày là cơm, rau, cá,... Lương thực chính là lúa gạo và thức ăn gồm các loại rau, củ, quả và các sản phẩm của nghề đánh cá, săn bắt và chăn nuôi.

+) Trang phục:

-) Thường ngày, phụ nữ mặc váy và áo yếm, đàn ông đóng khố, ở trần, đi chân đất, tóc để xoã ngang vai hoặc để dài búi tó.

-) Cư dân thích sử dụng đồ trang sức được làm từ sừng, ngà động vật, đá, kim loại (sắt, đồng),...

+) Nhà ở: Cư dân chủ yếu cư trú trong các nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá (cả miền núi và đồng bằng).

+) Phương tiện: Chủ yếu là thuyền, bè.

- *Đời sống tinh thần*:

+) Tín ngưỡng: Cư dân Việt cổ có những tục như: Thờ cúng tổ tiên và những người có công với cộng đồng, thờ các vị thần tự nhiên và theo tín ngưỡng phồn thực.

+) Nghệ thuật: cư dân Văn Lang - Âu Lạc đã đạt đến một trình độ thẩm mỹ khá cao. Thể hiện ở: đồ trang sức, các hoa văn trang trí trên công cụ, vũ khí, trống đồng...

+) Âm nhạc: khá phát triển với sự xuất hiện của nhiều loại nhạc cụ và hình thức biểu diễn.

2. Văn minh Chăm - pa

a. Cơ sở hình thành

- Điều kiện tự nhiên:

+) Nền văn minh Chăm - pa hình thành và phát triển từ thế kỉ II đến thế kỉ XV trên địa bàn các tỉnh duyên hải miền Trung và một phần cao nguyên Trường Sơn Việt Nam ngày nay.

+) Địa hình, đất đai: Cao nguyên, đồng bằng nhỏ hẹp; cánh đồng màu mỡ ven sông Thu Bồn; có đường bờ biển dài.

- Cơ sở xã hội:

+) Gắn liền với văn hóa Sa Huỳnh

+) Cơ cấu xã hội Sa Huỳnh là xã hội dạng lãnh đạo hay liên minh cụm làng, đứng đầu là thủ lĩnh tối cao. Sự phát triển nội tại của các tổ chức trên là cơ sở quan trọng cho sự hình thành nên nhà nước Chăm - pa.

- Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ:

+) Thời gian: Thế kỉ V trước công Nguyên, cư dân đã tiếp xúc với văn minh Ấn Độ thông qua tầng lớp thương nhân.

+) Lĩnh vực ảnh hưởng: Chữ viết, tôn giáo, tư tưởng, mô hình nhà nước, pháp luật, ...

b. Một số thành tựu tiêu biểu

- Sự ra đời nhà nước:

+) năm 192, người Chăm đã giành được độc lập từ tay nhà Hán. Sau đó lập nên nhà nước Lâm Ấp - tiền thân của nhà nước Chăm - pa sau này.

+) Kinh đô: Sin - ha - pu - ra (Trà Kiệu, Quảng Nam)

+) Bộ máy nhà nước: Vua → Quan văn, quan võ → Quan địa phương.

⇒ Đánh dấu sự xuất hiện của nền văn minh Chăm - pa cổ đại.

- Hoạt động kinh tế: Vô cùng đa dạng

+) Nông nghiệp: Trồng lúa trên các vùng đồng bằng lưu vực các con sông, chăn nuôi gia súc.

+) Thủ công nghiệp: Làm gốm, dệt, luyện kim, ...

+) Thương nghiệp: Là cầu nối buôn bán quốc tế quan trọng, với nhiều cảng thị nổi tiếng.

Qua các cảng thi, cư dân Chăm-pa bán những sản phẩm nổi tiếng của miền nhiệt đới và mua các mặt hàng chất lượng.

- Đời sống vật chất:

- +) Trang phục: Trang phục chính người Chăm-pa dùng là “ka-ma”, dân thường đi chân đất, vua quan đi dép, giày. Phụ nữ thường đeo trang sức, hoa tai, vòng cổ
- +) Nhà ở: nhà trệt xây bằng gạch nung
- +) Bữa ăn: Cơm, rau, cá

- Đời sống tinh thần:

- +) Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội:
 -) Tín ngưỡng: Vạn vật hữu linh, thờ sinh thực khí, thờ cúng tổ tiên, ...
 -) Tôn giáo: Hin-đu giáo, Phật giáo, Hồi giáo
 -) Lễ hội: Lễ hội Ka-tê, sử dụng nhạc cụ kết hợp với các điệu múa truyền thống.
- +) Chữ viết, văn học:
 -) Chữ viết: Dựa trên chữ phạn của Ấn độ && Là loại chữ viết cổ nhất ở Đông Nam Á (Chăm Cổ). Loại chữ này đã được cải tiến và duy trì cho tới ngày nay.
 -) Văn học: Thần thoại, sử thi,
- +) Kiến trúc, điêu khắc:
 -) Kiến trúc: Chịu ảnh hưởng sâu sắc của Hin-đu giáo (Như thánh địa Mỹ Sơn, Tháp Bánh Ít, ...)
 -) Điêu khắc: Độc đáo, đặc sắc thông qua các bức tượng, phù điêu trang trí trên các đài thờ, đền tháp.

3. Văn minh Phù Nam

a. Cơ sở hình thành

- Điều kiện tự nhiên:

- +) Vương quốc Phù Nam có địa bàn chủ yếu là khu vực Nam Bộ Việt Nam ngày nay, thuộc vùng hạ lưu sông Mê Công.
- +) Có phù sa bồi đắp tạo thành đồng bằng màu mỡ, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp; hệ thống kênh rạch chằng chịt, thuận tiện cho thuyền bè lưu thông.

- Cơ sở xã hội:

- +) Hình thành trên nền văn hóa tiền Óc Eo
- +) Vào cuối thiên niên kỉ I, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp và trao đổi hàng hóa ngày càng phát triển.
- +) Cấu trúc làng nông – chài – thương nghiệp được hình thành, chuẩn bị cho sự ra đời của các đô thị sơ khai

+) Cư dân bản địa kết hợp cư dân Nam Đảo.

- *Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ:*

+) Chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh Ấn Độ, được truyền bá chủ yếu thông qua hoạt động thương mại biển

+) Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến Phù Nam thể hiện trên các lĩnh vực: văn học, chính trị, tư tưởng, kiến trúc, tôn giáo.

b. Một số thành tựu tiêu biểu

- *Sự ra đời nhà nước:*

+) Vào khoảng Đầu công nguyên, Vương quốc Phù Nam ra đời

+) Từ thế kỉ II – V: trở thành vương quốc hùng mạnh, có ảnh hưởng tại Đông Nam Á

- *Hoạt động kinh tế:* Là một trong những trung tâm giao thương quan trọng bậc nhất lúc bấy giờ. Nghề thủ công và nông nghiệp cũng khá phát triển.

- *Đời sống vật chất:*

+) Nhà ở: nhà sàn gỗ, lợp mái lá

+) Đi lại: chủ yếu bằng thuyền trên sông, ngòi, kênh, rạch

+) Lương thực, thực phẩm: lúa gạo, thịt, thủy, hải sản

+) Trang phục: đàn ông đóng khố, ở trần; phụ nữ mặc váy, đeo trang sức

- *Đời sống tinh thần:*

+) Tín ngưỡng, tôn giáo:

-) Tín ngưỡng: đa thần (Tiêu biểu là thần Mặt Trời), thờ sinh thực khí.

-) Tôn giáo: Tiếp nhận Phật giáo, Hin-đu giáo, ...

+) Phong tục, tập quán:

-) Chôn người chết bằng nhiều hình thức: thủy táng (thả xác xuống sông, hỏa táng (đốt xác), thổ táng (chôn dưới đất) và điều táng (để xác ngoài đồng cho chim ăn).

-) Khi gia đình có tang, người thân phải cạo đầu, cạo râu và mặc đồ trắng.